

Số: 03/2022/QĐST-KDTM

Hải Phòng, ngày 28 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH TẠI VIỆT NAM PHÁN QUYẾT
CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng phiên họp sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán:

Bà Lương Thị Hải Hà

Ông Nguyễn Văn Dương

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp:
Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm việc kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2022/TLST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Phán quyết của Trọng tài nước ngoài theo Quyết định mở phiên họp số 50/2022/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên họp số 21/2022/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa:

- *Người được thi hành:* JNH Industry Co.,Ltd; địa chỉ trụ sở: LvDao Road, LvCheng Town, Danyang City, Jiangsu Province, China.

Người đại diện hợp pháp của người được thi hành:

+ Ông Chu Bin là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc điều hành); vắng mặt.

+ Văn phòng Luật sư M; địa chỉ: Số 10/35/37 đường N, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/2021/UQ/NS_JNS ngày 25/6/2021);

Đại diện theo ủy quyền của Văn phòng Luật sư M: Ông Bùi Văn T, bà Lưu Thị H, ông Bùi Phương N; đều có mặt.

- *Người phải thi hành:* Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại MS; địa chỉ trụ sở: Số 428-429 Lô HK 12 K, phường V, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của người phải thi hành:

+ Ông Phạm Q là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc); vắng mặt.

+ Ông Vũ Khánh D, ông Vũ Văn T, bà Chu Hà P là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022); có mặt.

- *Phán quyết của Trọng tài nước ngoài được yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam:* Phán quyết số (2021).Z.G.M.Z.J.C.Z.0797 ngày 26/3/2021 của Ủy ban trọng tài Kinh tế Thương mại Quốc tế Trung Quốc (trong vụ việc Trọng tài giữa nguyên đơn JNH Industry Co.,Ltd và bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại MS).

Sau khi xem xét đơn yêu cầu, các giấy tờ, tài liệu kèm theo và nghe ý kiến trình bày của đại diện hợp pháp của đương sự.

NỘI DUNG YÊU CẦU

Theo đơn yêu cầu đề ngày 13/12/2021 của người yêu cầu là Công ty Jiangsu NewStart Heavy Industry Co., Ltd trình bày:

Ngày 22/7/2019, Công ty Cổ phần thương mại và Xây dựng MS (viết tắt là Công ty MS) và Jiangsu NewStart Heavy Industry Co., Ltd (viết tắt là Công ty Jiangsu) ký Hợp đồng mua bán số 19-JSNS/MS-01. Theo đó, Công ty MS đã mua máy nâng của Công ty Jiangsu. Thực hiện hợp đồng, Công ty Jiangsu đã cung cấp hàng cho Công ty MS theo đúng tiến độ, số lượng, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật. Tuy nhiên, Công ty MS đã từ chối nhận hàng và từ chối thanh toán tiền hàng cho Công ty Jiangsu, dẫn đến hàng hóa bị lưu cảng dài hạn, vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận của Hợp đồng, gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Jiangsu.

Căn cứ theo Điều 12 của Hợp đồng, để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, Công ty Jiangsu buộc phải khởi kiện Công ty MS tại Ủy ban trọng tài Kinh tế Thương mại Quốc tế Trung Quốc. Ngày 26/3/2021, Ủy ban trọng tài Kinh tế Thương mại Quốc tế Trung Quốc ban hành Phán quyết số (2021).Z.G.M.Z.J.C.Z.0797. Mục III của Phán quyết này nêu như sau:

- Bị đơn thanh toán tiền hàng cho Nguyên đơn là 342.527,20 USD;
- Bị đơn lấy 342.527,20 USD làm số cơ sở, căn cứ tiêu chuẩn 3% lãi suất năm chi trả cho nguyên đơn tiền lãi từ ngày 01/10/2020 đến ngày thực tế trả hết;
- Bị đơn chi trả cho nguyên đơn phí luật sư nguyên đơn đã chi trả là 100.000 nhân dân tệ.
- Chi phí trọng tài của vụ án này là 127.343 nhân dân Tệ, nguyên đơn chịu 25.470,60 nhân dân tệ, bị đơn chịu 101.882,40 nhân dân tệ. Khoản phí trọng tài này đã khấu trừ trong tiền tạm ứng án phí trọng tài nguyên đơn đã nộp. Do vậy, bị

đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 101.882,40 nhân dân tệ để bù vào chi phí trọng tài của vụ án này nguyên đơn đã tạm ứng trước.

- Phản bác yêu cầu trọng tài khác của nguyên đơn.

Các khoản bị đơn phải trả cho nguyên đơn nói trên, bị đơn phải thanh toán hết trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành phán quyết này. Phán quyết này là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Đã quá thời hạn 30 ngày theo phán quyết nói trên, Công ty MS vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản nào cho Công ty Jiangsu. Vì vậy, căn cứ Công ước 1958, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Công ty Jiangsu yêu cầu:

- Yêu cầu Công ty MS thanh toán tiền hàng cho Công ty Jiangsu, số tiền là 342.527,20 USD.

- Yêu cầu Công ty MS thanh toán cho Công ty Jiangsu phí luật sư 100.000 nhân dân tệ và phí trọng tài 101.882,40 nhân dân tệ, tổng cộng tiền là 201.882,40 nhân dân tệ.

- Yêu cầu Công ty MS thanh toán tiền lãi cho Công ty Jiangsu kể từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/11/2021, số tiền là 11.132,134 USD (lấy 342.527,20 USD làm số cơ sở, căn cứ tiêu chuẩn 3% lãi suất năm chi trả cho Công ty Jiangsu tiền lãi từ ngày 01/10/2020 đến ngày thực tế trả hết).

- Yêu cầu Công ty MS chuyển toàn bộ số tiền nêu trên vào tài khoản của Công ty Jiangsu.

Quan điểm của Công ty MS về yêu cầu của Công ty Jiangsu:

Ngày 15/7/2019, Công ty MS và Công ty Jiangsu đã cùng nhau ký Hợp đồng mua bán số 19-JSNS/MS-01 và thanh toán theo phương thức L/C được quy định rõ ràng trong điều khoản thanh toán của hợp đồng mua bán, thỏa thuận Công ty MS sẽ đặt lô hàng cầu trục và các linh phụ kiện kèm theo (gọi tắt là hàng hóa) với tổng giá trị lô hàng là 428.159.00 USD. Tuy nhiên, vì những vi phạm nghiêm trọng hợp đồng mua bán Công ty Jiangsu đã gây thiệt hại đến tài sản và quyền lợi của Công ty MS. Điều này khiến Công ty MS buộc phải hủy hợp đồng mua bán cầu trục với Công ty Giang Tô. Tuy nhiên, Ủy ban trọng tài kinh tế và thương mại Quốc tế Trung Quốc (CIETAC) đã bỏ qua tất cả những luận điểm này và đưa ra phán quyết gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty MS, cũng như vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật Quốc tế và Việt Nam. Cụ thể:

Mặc dù Tòa án không xét xử lại phần nội dung của phán quyết mà chỉ xem xét giai đoạn từ lúc nhận vụ việc đến lúc đưa ra phán quyết cuối cùng Trọng tài Trung Quốc đã tuân thủ đúng thủ tục hay không để xem xét việc công nhận phán quyết của Trọng tài. Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên của Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài. Cho

nên, phán quyết cuối cùng của Trọng tài Trung Quốc sẽ được xem xét để công nhận và thi hành ở Việt Nam. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 424 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, một phán quyết nước ngoài muốn được công nhận và thi hành ở Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau: Phán quyết đó phải giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp; đó là phán quyết cuối cùng của Hội đồng trọng tài; phán quyết đó sẽ đưa đến việc chấm dứt tố tụng trọng tài; phán quyết đó có hiệu lực thi hành. Theo đó, với phán quyết của Trọng tài Trung Quốc là Phán quyết cuối cùng của Hội đồng trọng tài, sẽ đưa đến việc chấm dứt tố tụng trọng tài và có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, phán quyết này chưa giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp bởi:

- Phán quyết chưa giải quyết được vấn đề hàng hóa đang nằm tại cảng phải xử lý như thế nào và trường hợp mà Công ty MS trả tiền rồi có nhận được hàng không hay hàng sẽ về bên phía Công ty Jiangsu thì phía CIETAC chưa giải quyết được triệt để nội dung này của vụ tranh chấp.

- Phương thức thanh toán bằng thư tín dụng (LC) là một điều khoản của hợp đồng tranh chấp này liên quan mật thiết đến phương thức thanh toán bằng thư tín dụng trong hợp đồng. Như vậy, tranh chấp Hợp đồng mua bán cũng liên quan đến tranh chấp về phương thức thanh toán bằng LC. LC thực hiện giữa Công ty MS và Công ty Jiangsu được bảo lãnh bởi Ngân hàng Quân Đội theo LC190723B92LM72922 ngày 23/7/2019. Trong thời gian hiệu lực của LC, chỉ cần Công ty Jiangsu cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ thì Ngân hàng Quân đội sẽ ngay lập tức chuyển tiền cho Công ty Jiangsu và Công ty MS sẽ phải nhận hàng dù bất cứ điều kiện gì. Tuy nhiên, Công ty Jiangsu vi phạm nghiêm trọng điều khoản này, thời điểm giao hàng và giao bộ chứng từ chậm trễ so với thời gian quy định tại Hợp đồng ngoại thương và LC dẫn đến việc chậm trễ tiến độ của dự án đã gây thiệt hại kinh tế lớn cho Công ty MS. Bộ chứng từ ngoại thương chưa thể hiện đúng các nội dung cam kết tại LC. Những vi phạm này đã gây ra sự chậm trễ trong một thời gian dài khiến Công ty MS không có máy móc để thực hiện dự án, dẫn đến thiệt hại rất nghiêm trọng cho Công ty MS bao gồm tiền đền bù chậm trễ dự án và lãi suất vay Ngân hàng.

- Hợp đồng mua bán đã được ký kết vào ngày 15/7/2019 và trên LC cũng đã thể hiện Hợp đồng được công nhận là ngày 15/7/2019; mặc dù đã cung cấp hợp đồng cho Trọng tài nhưng Trọng tài vẫn công nhận ngày ký kết hợp đồng là ngày 22/7/2019 thể hiện CIETAC chưa bám sát vào thời gian quy định của Hợp đồng ngoại thương.

- Về chất lượng hàng hóa, trọng tài nhấn mạnh vào việc nhận hàng của Công ty MS nhưng không nhìn vào những vi phạm nghiêm trọng của Công ty Jiangsu. Theo thông lệ quốc tế, Hợp đồng ngoại thương và LC số LC 190723B92LM72922, chứng từ CO và CQ phải đi kèm bộ hồ sơ thanh toán LC gửi cho Ngân hàng bên

mua nhưng Công ty Jiangsu lại nói tăng đề trong cabin máy. Ngay sau đó, Công ty Jiangsu đã gửi cho Công ty MS bản CQ và CO không phù hợp (Công ty MS có xác nhận từ nhà máy nội dung này: Nhà máy khẳng định đây không phải CO và CQ của họ phát hành), tuy nhiên, Trọng tài đã bỏ qua những lý do này để xác minh về vấn đề chất lượng với Công ty Giang Tô. Bên cạnh đó, do Công ty MS chưa phải chủ sở hữu của lô hàng nên chỉ kiểm tra được sơ bộ ngoài thân máy và có những kết quả đáng nghi ngờ nhưng Trọng tài cũng không giải quyết triệt để vấn đề này. Trọng tài chỉ nói rằng Công ty MS không có ý hợp tác nhưng không phân tích vào các lý do và căn cứ trên của Công ty MS, các căn cứ cho thấy Công ty MS hoàn toàn hợp tác và thiện chí trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Về thiện chí của Công ty MS trong việc thực hiện hợp đồng; trong quá trình xét xử, trọng tài Trung Quốc liên tục đưa ra luận điểm rằng Công ty MS không hề có thiện chí trong việc thực hiện hợp đồng, tuy nhiên, việc này hoàn toàn không có căn cứ do: Công ty MS vẫn kiên nhẫn đợi Công ty Jiangsu hoàn tất việc nộp bộ hồ sơ chứng từ LC 3 lần (thời gian từ ngày 13/11/2019 đến ngày 31/01/2020), đến lần cuối cùng, do những sai phạm nghiêm trọng gây ra thiệt hại lớn cho dự án của Công ty MS, bên cạnh đó LC190723B92LM72922 đã hết thời hạn hiệu lực nên Công ty MS mới phải buộc tuyên bố hủy hợp đồng ngoại thương. Để thực hiện dự án, Công ty MS rất cần mua dàn máy móc đã đặt mua từ Công ty Jiangsu, hoàn toàn thiện chí muốn nhận hàng nhưng vì những sai phạm quá nghiêm trọng của Công ty Jiangsu, Công ty MS không thể được chấp thuận từ Ngân hàng Quân đội để thực hiện nhận hàng.

- Công ty Jiangsu có hành vi giả mạo và có yếu tố lừa đảo, theo thông lệ Quốc tế, CO và CQ phải đi kèm hồ sơ thanh toán LC gửi cho Ngân hàng mở LC nhưng Công ty Jiangsu lại nói rằng đề trong cabin. Bên cạnh đó, do Công ty MS chưa phải chủ sở hữu của lô hàng Công ty MS không có quyền thẩm định về lô hàng, chỉ được kiểm tra sơ bộ bên ngoài thân máy và có những kết quả đáng nghi ngờ, đó là lớp sơn bên ngoài thân máy rất cũ và bị bong tróc, dẫn đến việc nghi ngờ đây không phải là máy móc từ nhà sản xuất. Thêm nữa, Công ty Jiangsu chưa hoàn thiện hồ sơ gửi Ngân hàng như trong hợp đồng mua bán nhưng liên tục thúc giục và chèo kéo Công ty MS nhận hàng.

- Về việc hủy bỏ hợp đồng: Theo điểm a khoản 1 Điều 49 Công ước Liên hợp quốc về mua bán hàng hóa quốc tế năm 1980 thì người mua có thể tuyên bố hủy hợp đồng nếu việc người bán không thực hiện một nghĩa vụ nào đó của họ phát sinh từ hợp đồng hay từ Công ước này cấu thành một phạm chủ yếu đến hợp đồng. Như vậy, Công ty MS hoàn toàn có thể tuyên bố hủy hợp đồng nếu việc vi phạm cấu thành một sự vi phạm chủ yếu của hợp đồng. Theo Điều 25 của Công ước về mua bán hàng hóa quốc tế thì “một sự vi phạm hợp đồng do một bên gây ra là vi phạm cơ bản nếu sự vi phạm đó làm cho bên kia bị thiệt hại mà người bị thiệt hại, trong một chừng mực đáng kể bị mất cái mà họ có quyền chờ đợi trên cơ sở

hợp đồng, trừ phi bên vi phạm không tiên liệu được hậu quả đó và một người có lý trí minh mẫn cũng sẽ không tiên liệu được nếu họ cũng ở hoàn cảnh tương tự”. Do đó, việc không chứng minh được chất lượng của hồ hàng và hoãn tất thủ tục LC khiến cho Công ty MS chậm dự án của mình đến 4 tháng và không thể thực hiện được dự án, gây thiệt hại rất lớn cho bên mua lên tới 375.000 USD, điều này khiến Công ty MS phải hủy bỏ Hợp đồng với các bên đối tác mà Công ty MS đã ký kết, ảnh hưởng tới uy tín, quan hệ, vị thế của Công ty MS. Vì vậy, Công ty MS hoàn toàn có quyền tuyên bố hủy hợp đồng và từ chối nhận hàng là hoàn toàn có cơ sở.

- Thêm nữa, theo điểm c khoản 1 Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một trong những trường hợp không công nhận Bản án ở Việt Nam đó là: Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thi hành vì nguyên nhân chính đáng khác mà không thể thực hiện được quyền tố tụng của mình. Bên cạnh đó, do tình hình của đại dịch COVID-19, Công ty MS gặp khó khăn trong việc chuyển phát tài liệu cũng như trong việc gặp gỡ và trao đổi với Luật sư Trung Quốc để thực hiện quyền tố tụng như là quyền phản tố và quyền gia hạn thời gian xử lý khi có lý do chính đáng. Vì vậy, Công ty MS chỉ có một quỹ thời gian rất hạn hẹp để chuẩn bị chứng cứ cũng như chuyển hồ sơ cho Luật sư Trung Quốc, từ đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền tố tụng của Công ty MS.

Từ những luận điểm trên, có thể thấy rằng, CIETAC đã đưa ra phán quyết một chiều và bảo vệ quá mức pháp nhân của quốc gia họ mà dẫn tới việc vi phạm pháp luật quốc tế và vi phạm pháp luật Việt Nam.

Tại phiên họp, đại diện người được thi hành và người phải thi hành vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ việc:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý việc công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài là đúng quy định tại khoản 5 Điều 31 Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tiến hành tố tụng và Hội đồng phiên họp đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 457, 458 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp hôm nay, người thi hành và người được thi đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã trình bày các căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung vụ việc: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng phiên họp không công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Phán quyết trọng tài số (2021).Z.G.M.Z.J.C.Z.0797 ngày 26/3/2021 của Ủy ban trọng tài Kinh tế Thương mại Quốc tế Trung Quốc giữa JNH Industry Co.,Ltd và Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại MS vì phán quyết trọng tài mới chỉ xem xét, giải quyết quyền lợi cho Công ty Jiangsu mà chưa xem xét đến quyền và

lợi ích hợp pháp của Công ty MS là chưa đảm bảo nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Phán quyết của Trọng tài nước ngoài được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng xét đơn nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng của vụ án này là Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; trong đó, nguyên đơn và bị đơn trong vụ tranh chấp có trụ sở tại Trung Quốc và Việt Nam - đều là thành viên của Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài (sau đây gọi tắt là Công ước 1958) nên chịu sự điều chỉnh của Công ước. Mặt khác, người yêu cầu yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết kinh doanh thương mại của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam nên trình tự, thủ tục giải quyết được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Do đó, việc giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định trọng tài nước ngoài áp dụng Công ước quốc tế và pháp luật Việt Nam để giải quyết.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo khoản 5 Điều 31, điểm a khoản 3 Điều 38; điểm e khoản 2 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 424 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì người được thi hành đề nghị công nhận và cho thi hành phán quyết kinh doanh thương mại của Trọng tài Trung Quốc tại Việt Nam. Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên của Công ước New York năm 1958, người phải thi hành có trụ sở tại Hải Phòng nên việc giải quyết yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết kinh doanh thương mại của trọng tài nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[3] Về thời hạn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài: Ngày 26/3/2021, Ủy ban Trọng tài Kinh tế Thương mại Quốc tế Trung Quốc đã ra Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số (2021).Z.G.M.Z.J.C.Z.0797 để giải quyết tranh chấp giữa Công ty Jiangsu và Công ty MS; theo nội dung phán quyết thì phán quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Ngày 13/12/2021, Công ty Jiangsu có đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Căn cứ theo khoản 1 Điều 451 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đơn yêu cầu của Công ty Jiangsu vẫn còn trong thời hạn luật định.

- Xét yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài của Công ty Jiangsu:

[4] Về năng lực chủ thể và hiệu lực của thỏa thuận trọng tài: Theo Điều 5 Công ước và điểm a khoản 1 Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về điều kiện không công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nêu: “Các bên ký kết thỏa thuận trọng tài không có năng lực để ký kết thỏa thuận đó theo pháp luật được áp dụng cho mỗi bên”. Thỏa thuận trọng tài là một điều khoản được ghi nhận tại Hợp đồng mua bán số 19-JSNS/MS-01 ngày 22/7/2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng MS và JNH Industry Co.,Ltd do ông Phạm Quỳnh - Giám đốc Công ty MS và ông Miu Yi Cheng - Giám đốc Công ty Jiangsu ký kết và có đóng dấu của các công ty. Tuy nhiên, theo tài liệu do Công ty Jiangsu cung cấp là Giấy phép kinh doanh, mã số tín dụng xã hội thống nhất 91321181MA1MXUTB5D của Công ty JNH Industry Co.,Ltd do Cục Quản lý giám sát thị trường thành phố Danyang cấp ngày 28/10/2016 thể hiện người đại diện theo pháp luật của Công ty Jiangsu là ông Miu Yi Cheng.

[5] Theo điểm b khoản 1 Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về trường hợp không công nhận phán quyết do hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, cụ thể: “Thỏa thuận trọng tài không có giá trị pháp lý theo pháp luật của nước mà các bên đã chọn để áp dụng hoặc theo pháp luật của nước nơi phán quyết đã được tuyên, nếu các bên không chọn pháp luật áp dụng cho thỏa thuận đó”. Tại điều khoản trọng tài, các bên không có thỏa thuận lựa chọn pháp luật để áp dụng mà chỉ lựa chọn Ủy ban trọng tài kinh tế và Thương mại Quốc tế Trung Quốc (CIETAC) để giải quyết tranh chấp và theo phán quyết được tuyên tại Trung Quốc nên hiệu lực của điều khoản trọng tài sẽ được căn cứ vào pháp luật Trung Quốc và Quy tắc trọng tài của CIETAC. Theo Điều 5 Quy tắc Trọng tài của Ủy ban trọng tài kinh tế thương mại quốc tế Trung Quốc quy định thỏa thuận trọng tài chỉ điều khoản trọng tài các đương sự quy định rõ trong Hợp đồng hoặc bằng phương thức khác đạt được thỏa thuận giải quyết trọng tài bằng văn bản; thỏa thuận trọng tài phải áp dụng hình thức bằng văn bản. Theo đó, thỏa thuận trọng tài được các bên thỏa thuận và ghi nhận tại Điều 12 của Hợp đồng mua bán và được thể hiện bằng văn bản. Do đó, thỏa thuận trọng tài có giá trị pháp lý theo pháp luật Trung Quốc về trọng tài.

[6] Về việc thông báo và thực hiện thủ tục tố tụng, quyền được xét xử công bằng theo Điều 5 Công ước: Theo các tài liệu do Công ty MS cung cấp thể hiện CIETAC cũng đã có các văn bản thông báo cho Công ty MS biết về việc thụ lý giải quyết tranh chấp và thông báo thời hạn, các quy định của CIETAC về trình tự, thủ tục, thời gian cung cấp tài liệu chứng cứ cho CIETAC. Mặt khác, theo quy tắc Trọng tài của CIETAC, tranh chấp giữa Công ty MS và Công ty Jiangsu dưới 5.000.000 NDT nên được áp dụng thủ tục rút gọn là phù hợp. CIETAC đã thông báo cho Công ty MS và Công ty Jiangsu biết về việc lựa chọn trọng tài viên, nhưng Công ty MS không có ý kiến gì về việc lựa chọn nên CIETAC đã ấn định 01 trọng

tài viên giải quyết tranh chấp là phù hợp với quy tắc của CIETAC. Công ty MS cho rằng Công ty MS không thể thực hiện quyền tố tụng của mình do tình hình dịch bệnh COVID-19 làm ảnh hưởng đến quyền phản tố và quyền gia hạn thời gian xử lý của mình. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng trọng tài, Công ty MS đã không có văn bản đề nghị gia hạn thời gian cung cấp bản bảo vệ và các tài liệu chứng cứ, văn bản chứng minh. Theo thông báo của Trung tâm trọng tài thể hiện địa chỉ email của thư ký trọng tài để hỗ trợ thủ tục hành chính cho Trọng tài viên và nếu các bên đồng thuận thì các giấy tờ, chứng cứ liên quan sẽ được nộp và phê duyệt bằng phương thức điện tử. Tại Công văn phúc đáp và bài tự bảo vệ ngày 21/01/2021 của Công ty MS cũng không đề cập đến việc xin gia hạn thời hạn để cung cấp tài liệu, chứng cứ. Ngoài ra, Công ty MS không cung cấp thêm các tài liệu về việc Hội đồng trọng tài mở phiên họp và ban hành phán quyết trọng tài và cũng không có ý kiến gì về việc thực hiện thủ tục tố tụng trong giai đoạn này của Hội đồng trọng tài có đảm bảo quyền lợi của mình không. Do đó, CIETAC đã thực hiện đầy đủ việc thông báo và thực hiện thủ tục tố tụng theo đúng trình tự, đảm bảo quyền được xét xử công bằng của các đương sự.

[7] Về việc phán quyết chưa có hiệu lực ràng buộc, bị hủy hoặc đình chỉ: Theo Phán quyết thể hiện Phán quyết trọng tài là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực kể từ ngày lập, do đó phán quyết đã có hiệu lực ràng buộc các bên. Mặt khác, bị đơn là Công ty MS sau khi nhận được phán quyết trọng tài cũng không có yêu cầu Tòa án Trung Quốc xem xét hiệu lực của phán quyết trọng tài, thể hiện ở việc không có đương sự nào cung cấp cho Tòa án tài liệu thể hiện Phán quyết này đã bị hủy hoặc đình chỉ của Tòa án Trung Quốc. Do đó, phán quyết đã có hiệu lực ràng buộc và chưa bị hủy hoặc đình chỉ theo pháp luật của Trung Quốc.

[8] Về việc nội dung tranh chấp không thể được giải quyết bởi trọng tài theo pháp luật của quốc gia đó: Tranh chấp giữa Công ty Jiangsu và Công ty MS là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Theo khoản 1 Điều 2 Luật Trọng tài thương mại thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài.

[9] Điều 5 Công ước New York 1958 quy định: Việc công nhận và thi hành quyết định có thể bị từ chối, theo yêu cầu của bên phải thi hành, chỉ khi nào bên đó chuyển tới cơ quan có thẩm quyền nơi việc công nhận và thi hành được yêu cầu, bằng chứng rằng: Việc công nhận và thi hành quyết định sẽ trái với trật tự công cộng của nước đó. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự (về những trường hợp không được công nhận thì: Phán quyết của Trọng tài nước ngoài cũng không được công nhận, nếu Tòa án Việt Nam xét thấy: b) Việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[10] Đối với các vi phạm của Công ty Jiangsu mà Công ty MS đã nêu như:

[10.1] Về chất lượng hàng hóa: Theo Điều 3 Hợp đồng thể hiện về thông số kỹ thuật của hàng hóa: Chất lượng - mới 100%, nhà sản xuất - Henam Province Mine Crane Co.,Ltd. Tuy nhiên, theo các tài liệu do Công ty MS cung cấp thể hiện hàng hóa không phải là hàng mới 100%. Các giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng (CQ) do Công ty Jiangsu cung cấp không phù hợp với CO, CQ do nhà sản xuất phát hành. Mặt khác, việc để CO, CQ trong cabin xe là không phù hợp, bởi khi chưa nhận hàng hóa, Công ty MS không được mở hàng hóa để vào cabin lấy CO, CQ; đối với thiết bị công nghiệp thì CO, CQ là giấy tờ quan trọng để xác định xuất xứ và chất lượng máy móc nên cần phải có bộ chứng từ thanh toán LC; mặt khác, CO là chứng từ quan trọng để thực hiện việc thông quan. Công ty MS đã cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của nhà máy HENAN PROVINCE MINE CRANE CO.,LTD (Công ty sản xuất thiết bị), theo đó, Công ty HENAN khẳng định CO, CQ mà Công ty Jiangsu cung cấp không hợp chuẩn, không phải chứng nhận của Công ty HENAN.

[10.2] Về việc thanh toán LC: Theo Điều 4 các Quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (UCP- s600/2007/ICC) quy định: Về bản chất, tín dụng là một giao dịch riêng biệt với hợp đồng mua bán hoặc các hợp đồng khác mà có thể là cơ sở của tín dụng. Đồng thời, theo Điều 2 UCP 600 quy định: Tín dụng thư là một sự thỏa thuận, dù cho được mô tả hoặc đặt tên thế nào là không thể hủy bỏ và theo đó là một sự cam kết chắc chắn của Ngân hàng phát hành để thanh toán khi xuất trình chứng từ phù hợp. Như vậy, việc thanh toán LC không phụ thuộc vào hiệu lực hợp đồng mà phụ thuộc và tính hợp lệ của bộ chứng từ thanh toán do bên mua cung cấp. Công ty Jiangsu không cung cấp cho Ngân hàng MB hồ sơ chứng từ hợp lệ theo yêu cầu của Ngân hàng nên Ngân hàng từ chối việc phát hành thư tín dụng là có căn cứ. Theo khoản a Điều 16 UCP 600 quy định khi chứng từ có sai biệt, bỏ qua sai biệt và thông báo thì khi một Ngân hàng chỉ định hành động theo sự chỉ định, một Ngân hàng xác nhận, nếu có hoặc Ngân hàng phát hành quyết định việc xuất trình là không phù hợp thì Ngân hàng đó có thể từ chối thanh toán hoặc thương lượng thanh toán. Mặt khác, theo điểm c Điều 16 cũng quy định, khi Ngân hàng quyết định từ chối thanh toán hoặc thương lượng thanh toán thì nó phải gửi thông báo riêng về việc đó cho người xuất trình; thông báo phải ghi rõ: i. Ngân hàng đang từ chối thanh toán hoặc thương lượng thanh toán; và ii. Từng sai biệt mà Ngân hàng từ chối thanh toán hoặc thương lượng thanh toán; và iii. a) Ngân hàng đang giữ các chứng từ để chờ chỉ thị của người xuất trình hoặc b) Ngân hàng phát hành đang giữ các chứng từ cho đến khi nào nó nhận được sự bỏ qua sai biệt từ người yêu cầu và đồng ý chấp nhận sai biệt hoặc nhận được những chỉ thị khác từ người xuất trình trước khi đồng ý chấp nhận bỏ qua các sai biệt, hoặc c) Ngân hàng đang chuyển trả lại chứng từ; hoặc d) Ngân hàng đang hành động theo những

chỉ thị đã nhận được trước đây từ người xuất trình. Theo đó, khi bộ chứng từ của Công ty Jiangsu cung cấp không phù hợp, Ngân hàng có quyền từ chối thanh toán và đã thông báo cho Công ty MS từng sai biệt mà Ngân hàng từ chối thanh toán và yêu cầu Công ty MS có ý kiến về những sai biệt của bộ chứng từ (bỏ qua sai biệt để thanh toán hay từ chối thanh toán). Việc Công ty MS có ý kiến từ chối thanh toán và trả lại bộ chứng từ gốc là có căn cứ và phù hợp. Ngân hàng MB đã có nhiều văn bản yêu cầu Công ty Jiangsu phải hoàn thiện bộ chứng từ trong thời hạn nhưng Công ty Jiangsu không cung cấp đầy đủ được bộ chứng từ theo yêu cầu. Mặc dù, việc thanh toán LC không thể hủy ngang nếu bộ chứng từ hợp chuẩn nhưng theo thỏa thuận tại Hợp đồng, việc thanh toán LC là một điều khoản về thanh toán nên việc cung cấp hồ sơ hợp chuẩn là nghĩa vụ của bên bán để thực hiện việc thanh toán. Tuy nhiên, do Công ty Jiangsu không cung cấp được chứng từ hợp chuẩn theo quy định là vi phạm nghĩa vụ cơ bản của Hợp đồng. Tuy nhiên, Trọng tài Trung Quốc chưa xem xét đến nghĩa vụ của Công ty Jiangsu trong việc thực hiện Hợp đồng và không chấp nhận việc Công ty MS từ chối thanh toán LC do bộ chứng từ hợp lệ là chưa đảm bảo Quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ theo thông lệ quốc tế. Tại mục (2) Phán quyết trọng tài Trung Quốc nhận định: *“nghĩa là sau khi hàng hóa liên quan đến vụ án này thực tế đã giao đến cảng, việc rủi ro của tự bản thân hàng hóa thực chất đã được xóa bỏ, trong trường hợp bị đơn có thể nhận hàng hoặc nghiệm thu tại hiện trường thì việc bổ sung và giao nộp các chứng từ liên quan trên đã trở thành nghĩa vụ kèm theo của hợp đồng vụ án này mà không phải nghĩa vụ chính”*, tuy nhiên, xét về quyền và nghĩa vụ của các bên, theo Điều 34 Công ước Viên 1980 thể hiện: *“Nếu người bán phải có nghĩa vụ phải giao các chứng từ liên quan đến hàng hóa thì họ phải thi hành nghĩa vụ này đúng thời hạn, đúng địa điểm và đúng hình thức như quy định trong hợp đồng...”* Theo đó, việc cung cấp chứng từ là nghĩa vụ của người bán hàng hóa, việc thanh toán là nghĩa vụ của người mua, Công ước quốc tế cũng không có quy định nào về việc đánh giá nghĩa vụ của bên nào quan trọng hơn (việc vi phạm nghĩa vụ về cung cấp chứng từ có thể làm ảnh hưởng đến quyền được nhận hàng của bên mua, hàng hóa không đủ điều kiện thông quan, khiến cho bên mua không nhận được hàng hóa nên từ chối thực hiện việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán). Do đó, nhận định của phán quyết trọng tài là không phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế, không đảm bảo nguyên tắc bình đẳng trong giao dịch.

[10.3] Về việc giao hàng và nhận hàng: Hợp đồng các bên thỏa thuận phương thức giao hàng tại cảng dỡ hàng (CIF), theo Incoterm 2010, tại mục A1 về nghĩa vụ chung của người bán là phải cung cấp hàng hóa và hóa đơn thương mại phù hợp với hợp đồng mua bán và cung cấp tất cả bằng chứng phù hợp mà hợp đồng có thể đòi hỏi, theo mục A8 quy định về chứng từ giao hàng thể hiện người bán phải, bằng chi phí của mình cung cấp cho người mua không chậm trễ chứng từ

vận tải thường lệ đến cảng đến đã thỏa thuận. Tuy nhiên, do các chứng từ giao hàng không hợp lệ nên đã bị Ngân hàng MB trả lại Công ty Jiangsu, hiện nay, Công ty MS vẫn chưa nhận được các chứng từ giao hàng phù hợp để thực hiện việc nhận hàng. Trọng tài Trung Quốc nhận định: “*Nhưng, trong nghiệp vụ Thu tín dụng, Ngân hàng lập thư tín dụng chỉ xét chứng từ về mặt hình thức xem có phù hợp hay không thì với lý do Ngân hàng lập thư tín dụng từ chối thanh toán khoản tiền thư tín dụng sẽ không ảnh hưởng đến việc thực hiện giao hàng và nghĩa vụ nhận hàng, theo hợp đồng cũng không cấu thành lý do bên mua từ chối nhận hàng và từ chối thanh toán*”. Theo đó, nội dung phán quyết chưa xem xét đến nghĩa vụ của Công ty Jiangsu về việc giao chứng từ giao hàng trong khi chỉ yêu cầu Công ty MS phải thực hiện nghĩa vụ của mình về việc nhận hàng là không phù hợp. Giao chứng từ là nghĩa vụ quan trọng trong quá trình thực hiện hợp đồng, đây là cơ sở để bên mua thực hiện thanh toán đúng thời hạn và là cơ sở để bên mua căn cứ để tiến hành kiểm tra hàng hóa. Theo nhận định của Trọng tài Trung Quốc về việc Công ty MS đã nhận được bộ chứng từ của lô hàng, tuy nhiên, bộ chứng từ do Công ty Jiangsu cung cấp cho Ngân hàng MB không hợp chuẩn, thiếu một số chứng từ mà Công ty Jiangsu không thể bổ sung được trong thời hạn của LC. Theo khoản 3 Điều 16 Luật Hải quan quy định về nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan: “Hàng hóa được thông quan, phương tiện vận tải được xuất cảnh, nhập cảnh sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan”; theo điểm b khoản 1 Điều 24 Luật Hải quan quy định hồ sơ hải quan có chứng từ có liên quan (*Tùy từng trường hợp, người khai hải quan phải nộp hoặc xuất trình hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn thương mại, chứng từ vận tải, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra hoặc miễn kiểm tra chuyên ngành, các chứng từ liên quan đến hàng hóa theo quy định của pháp luật có liên quan.*) Theo đó, hồ sơ hải quan phải có Giấy chứng nhận xuất xứ lô hàng, tuy nhiên, Công ty Jiangsu lại để CO trên cabin của xe là không phù hợp, do chưa làm thủ tục thông quan nên Công ty MS không thể mở hàng hóa để lấy CO làm thủ tục thông quan. Do đó, việc Công ty Jiangsu không cung cấp chứng từ làm ảnh hưởng đến việc nhận hàng hóa của Công ty MS. Đến nay, Công ty Jiangsu cũng chưa cung cấp được cho Công ty MS bộ chứng từ hợp lệ theo quy định và thỏa thuận giữa các bên để Công ty MS có thể làm thủ tục thông quan.

[11] Theo nguyên tắc thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ được thể hiện tại Điều 15 Hiến pháp quy định: Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân; mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác; việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Theo đó, bên cạnh nghĩa vụ nhận hàng và thanh toán, Công ty MS có quyền được nhận các chứng từ hợp lệ để đảm bảo quyền sở hữu hàng hóa và tính hợp pháp của hàng

hóa và việc chuyển giao hàng hóa để nhận hàng. Mặt khác, phía Công ty Jiangsu có quyền yêu cầu Công ty MS phải nhận hàng và thanh toán thì phải có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, cung cấp các chứng từ hợp lệ để Công ty MS có thể nhận hàng. Trọng tài Trung Quốc chỉ mới xem xét đến nghĩa vụ phải nhận hàng và thanh toán của Công ty MS mà chưa xem xét đến nghĩa vụ phải cung cấp chứng từ hợp lệ để được nhận hàng của Công ty Jiangsu là chưa phù hợp với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty MS.

[12] Theo khoản 1 Điều 3 Bộ luật Dân sự về nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự; thì mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử, được pháp luật bảo hộ như nhau về quyền nhân thân và tài sản. Đồng thời, theo Điều 10, Điều 11, Điều 14 Luật Thương mại về các nguyên tắc cơ bản của Luật Thương mại như nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật của thương nhân trong hoạt động thương mại; nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận và nguyên tắc bảo vệ quyền lợi cơ bản của người tiêu dùng; khoản 1, 2, 3 Điều 4 Luật Trọng tài Thương mại về nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Theo đó, Công ty Jiangsu không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp các chứng từ hợp lệ nhưng Trọng tài Trung Quốc không xem xét đến lỗi của Công ty Jiangsu mà chỉ buộc Công ty MS phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, trong khi đó, chưa xem xét đến việc đảm bảo quyền được nhận hàng hóa, chứng từ hợp lệ của Công ty MS. Đến nay, Công ty Jiangsu cũng chưa cung cấp được hồ sơ chứng từ hợp lệ cho Công ty MS để Công ty MS có thể nhận hàng; hàng hóa vẫn đang được giữ tại Cảng Hải Phòng; Trọng tài Trung Quốc mới chỉ giải quyết yêu cầu buộc Công ty MS thanh toán tiền cho Công ty Jiangsu mà chưa xem xét đến quyền lợi của Công ty MS trong việc được nhận hàng hóa theo quy định là không đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam như đã trình bày trên.

[13] Theo điểm a khoản 1 Điều 49 Công ước của Liên hợp quốc về mua bán hàng hóa quốc tế năm 1980 quy định người mua có thể tuyên hủy hợp đồng nếu việc người bán không thực hiện một nghĩa vụ nào đó của họ phát sinh từ hợp đồng hay từ công ước này cấu thành một vi phạm chủ yếu đến hợp đồng. Như vậy, việc không giao chứng từ hợp lệ của Công ty Jiangsu đã cấu thành vi phạm chủ yếu đến hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền được nhận hàng của Công ty MS nên Công ty MS có quyền được hủy hợp đồng. Tuy nhiên, Trọng tài Trung Quốc cho rằng đây không phải là vi phạm chủ yếu đến hợp đồng nên cho rằng Công ty MS không được quyền hủy hợp đồng là vi phạm Điều 49 Công ước, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty MS. Nếu Công ty Jiangsu thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với Công ty MS thì Công ty MS phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của

mình; tuy nhiên, Công ty Jiangsu đã vi phạm hợp đồng trước dẫn đến việc Công ty MS từ chối thực hiện nghĩa vụ của mình là có căn cứ.

[14] Sau khi nhận được phán quyết trọng tài của Trọng tài Trung Quốc, mặc dù không đồng ý với nội dung phán quyết nhưng Công ty MS chưa có đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài tại Tòa án Trung Quốc; theo trình bày của Công ty MS, lý do chưa thực hiện được việc yêu cầu do thời hạn ngắn và do tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Trung Quốc và Việt Nam diễn biến phức tạp nên Công ty MS không thể liên lạc với Luật sư tại Trung Quốc và không thể tự mình sang Trung Quốc để thực hiện việc nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Mặt khác, tại Việt Nam, ngày 08/6/2021, Công ty MS đã có đơn đề nghị Tòa án không công nhận phán quyết trọng tài Trung Quốc; tuy nhiên, theo quy định tại các Điều 31, Điều 414, Điều 415, Điều 452 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu của Công ty MS không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã trả lại đơn yêu cầu của Công ty MS.

[15] Theo phân tích và nhận định nêu trên thì Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số (2021).Z.G.M.Z.J.C.Z.0797 đã vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam do chưa thu thập đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật, vi phạm thủ tục tố tụng, dẫn đến các bên chưa được bảo vệ công bằng trước pháp luật. Nếu công nhận phán quyết sẽ tạo ra tiền lệ làm ăn không minh bạch giữa doanh nghiệp hai nước Việt nam và Trung Quốc, doanh nghiệp phía Trung Quốc cụ thể là Công ty Jiangsu sẽ tiếp tục có những hành vi mua bán thiếu minh bạch tương tự đối với các doanh nghiệp khác ở Việt Nam và Trung Quốc, ảnh hưởng lớn đến cán cân công lý của hai bên, gây mất uy tín cho Nhà máy sản xuất tại Trung Quốc, nếu công nhận phán quyết sẽ giúp cho Công ty Jiangsu hợp pháp hóa những hành vi mua bán sai trái của mình. Việc không cung cấp đầy đủ chứng từ cho Ngân hàng cũng là hành vi không bình thường, gây khó khăn và thiệt hại cho Ngân hàng và cho đương sự.

[16] Từ những phân tích trên, Hội đồng phiên họp xét thấy không có căn cứ công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Phán quyết trọng tài số (2021).Z.G.M.Z.J.C.Z.0797 ngày 26/3/2021 của Ủy ban trọng tài Kinh tế Thương mại Quốc tế Trung Quốc.

[17] Về lệ phí giải quyết yêu cầu: JNH Industry Co.,Ltd là người có đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Phán quyết trọng tài nước ngoài không được chấp nhận nên phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 31, Điều 37, Điều 149, Điều 425, Điều 426, Điều 458, Điều 459, Điều 460 và Điều 461 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 38 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu của JNH Industry Co.,Ltd, cụ thể:

1. Không công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Phán quyết trọng tài số (2021).Z.G.M.Z.J.C.Z.0797 ngày 26/3/2021 của Ủy ban trọng tài Kinh tế Thương mại Quốc tế Trung Quốc giữa JNH Industry Co.,Ltd và Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại MS.

2. Về lệ phí: JNH Industry Co.,Ltd phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng lệ phí. JNH Industry Co.,Ltd đã nộp 3.000.000 đồng theo Phiếu thu số T0010 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. JNH Industry Co.,Ltd đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: JNH Industry Co.,Ltd và Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại MS có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định này theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bộ tư pháp;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Vũ Thị Thu Hà